

KẾ HOẠCH

Tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030

Trong giai đoạn 2021–2025, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Bình đã có bước phát triển tích cực, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong bối cảnh toàn hệ thống chính trị đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ, việc xây dựng Kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026–2030 là yêu cầu cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và hiệu lực quản lý nhà nước; góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển Ninh Bình trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo.

Tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: du lịch thông minh, công nghiệp văn hóa, công nghiệp công nghệ cao, điện tử - bán dẫn, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Thu hút 01-02 trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) quy mô lớn trong và ngoài nước đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút 5.000 nhân lực công nghệ số; số người thực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt khoảng 12 người/01 vạn dân.

- Hằng năm triển khai từ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên; tỷ lệ kết quả nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt từ 60% trở lên.

- Tốc độ tăng số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt trên 57%.

- Từng bước đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ hiện đại phục vụ nghiên cứu AI, IoT, chip bán dẫn, công nghệ sinh học; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Phân đấu số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký đạt tối thiểu 05 đơn/năm; nâng cao tỷ lệ thương mại hóa tài sản trí tuệ.

- Hình thành mạng lưới tối thiểu 07 vườn ươm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Phân đấu có trên 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Mỗi năm có ít nhất 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa, 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KHCN và ĐMST

- Các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản liên quan. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Các cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của KHCN và ĐMST trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tập trung phổ biến thành tựu, kiến thức KHCN và ĐMST và nhân rộng các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, đời sống. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, kết hợp kênh truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) với kênh hiện đại (nền tảng số, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động) để tiếp cận hiệu quả đến mọi tầng lớp Nhân dân.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các công ty công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm lan toả tinh thần nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; tinh thần sẵn sàng tiên phong, chủ động sáng tạo, chấp nhận rủi ro trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Triển khai thực hiện các chính sách mới để tạo sự bứt phá, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Bình

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; ưu tiên các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong việc thực hiện nhiệm vụ KH-CN và ĐMST. Tăng cường liên kết giữa tổ chức KH-CN và ĐMST với doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với các Viện, Trường để đưa nhanh kết quả nghiên cứu KH-CN và ĐMST vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Đổi mới cơ chế thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn, công nghệ chiến lược và các định hướng ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

+ Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn, đồng thời bảo đảm phát triển cân đối, toàn diện, với định hướng các nhóm chính như: (i) Phát triển nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội trọng điểm của Tỉnh; (ii) Phát triển công nghệ chiến lược; (iii) Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp; (iv) Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh.

Tiêu chí xác định (Phụ lục III) và Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục IV) là căn cứ để bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước và định hướng cho sở, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức triển khai các kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm và hằng năm.

- Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ.

+ Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với một số lĩnh vực công nghệ mới; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

+ Thành lập và vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm; Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Tham mưu triển khai chính sách đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ trong nước, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đổi mới sáng tạo phát triển; ưu tiên mua sắm công, đặt hàng công và thuê dịch vụ công nghệ đối với các sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam chủ trì thiết kế, phát triển công nghệ và tổ chức sản xuất trong nước, trong tỉnh (Make in Viet Nam), đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và bảo đảm an ninh quốc gia.

3. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

- Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ:

+ Phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau:

+ Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tầm cho phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng.

- Thực hiện mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

+ Ngân sách nhà nước của tỉnh tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, 7 cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

+ Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

+ Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

+ Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, địa phương nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

+ Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích.

4. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai các dự án hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ưu tiên xây dựng khu, trung tâm quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt tại các vùng kinh tế trọng điểm. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ.

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghệ cao; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế ngành, vùng, địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, không gian làm việc chung, vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của địa phương

- Sắp xếp lại hệ thống tổ chức KH-CN và ĐMST phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KH-CN và ĐMST công lập thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến 2040. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH-CN và ĐMST.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; triển khai đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ.

5. Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu thị trường, nhất là trong các lĩnh vực AI, dữ liệu số, điện tử - bán dẫn, tự động hóa và công nghệ sinh học.

- Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ tại tỉnh.

- Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả tổng công trình sư, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

- Phát triển nguồn nhân lực chiến lược:

+ Tham mưu, triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Kế hoạch của Đảng uỷ UBND tỉnh và Đề án của UBND tỉnh về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ giai đoạn 2026-2030.

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo:

+ Tăng cường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua các loại hình nhiệm vụ, hoạt động đổi mới sáng tạo và văn hóa đổi mới sáng tạo.

+ Đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà trường (Viện nghiên cứu) đóng vai trò hạt nhân tri thức, chủ động nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo nhân lực và kết nối chuyển giao công nghệ.

+ Xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; triển khai đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ.

- Thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ:

+ Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch sở hữu trí tuệ thông qua hoàn thiện công cụ, hướng dẫn khai thác thương mại, đặc biệt với tài sản trí tuệ hình thành từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ định giá, nâng cao năng lực quản trị, thương mại hóa tài sản trí tuệ, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ xanh và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ Phát triển tổ chức trung gian chuyên giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và đội ngũ môi giới, tư vấn, định giá; thúc đẩy thương mại hóa sáng chế và kết nối thị trường. Hình thành mạng lưới trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tạo cầu thị trường cho công nghệ và đổi mới sáng tạo:

+ Triển khai cơ chế đặt hàng gắn với bài toán lớn, cùng tài trợ, đánh giá theo kết quả đầu ra.

+ Tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ giải quyết các bài toán phát triển; thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, viện, trường, các chủ thể liên quan, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

+ Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn với chuỗi giá trị và cụm ngành; phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo đóng vai trò dẫn dắt, phù hợp điều kiện từng vùng.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ trong và ngoài tỉnh có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, hợp tác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ và thu hút các nguồn lực bên ngoài tăng cường năng lực công nghệ nội tại, phục vụ phát triển phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: tuyên truyền- truyền thông định hướng nhận thức về ĐMST, KNST, các mô hình KNST, ĐMST điển hình; Tổ chức các diễn đàn, sự kiện cấp tỉnh, cấp vùng về KNĐMST tại địa phương: Chủ động tích cực tham gia mạng lưới ĐMST quốc gia.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch (hoặc lồng ghép) hằng năm để cụ thể hóa, phân công tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch.

- Cập nhật cơ chế chính sách, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi có sự thay đổi, kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I của Kế hoạch.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, các hoạt động kiểm tra, thông tin phổ biến pháp luật về KHCN và ĐMST, ứng dụng các tiến bộ KHCN và ĐMST trên địa bàn. Hằng năm, bố trí, thực hiện chi cho hoạt động KHCN và ĐMST trong dự toán ngân sách nhà theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn